

PHÂN NGÀNH KINH TẾ NĂM 2005 CỦA SINGAPORE

Cục Thống kê Singapore công bố Phân ngành kinh tế năm 2005 của Singapore (Singapore Standard Classification – SSIC 2005). Đây là bản Phân ngành kinh tế thứ 9, bản Phân ngành kinh tế sửa đổi mới nhất. Phân ngành kinh tế SSIC 2005 trên cơ sở nguyên tắc phân ngành kinh tế của Liên hợp quốc, Bản sửa đổi lần thứ 4. Dự thảo sửa đổi SSIC 2005 đã được công bố vào tháng 5/2004, đây là những sửa đổi cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của quốc gia và tạo điều kiện thuận lợi để so sánh quốc tế. Bảng Phân ngành SSIC 2005 thay cho bảng Phân ngành SSIC 2000.

So với bảng Phân ngành kinh tế năm 2000, những thay đổi cơ bản của Phân ngành kinh tế năm 2005 gồm có:

- Số ngành cơ bản tăng từ 18 lên 22 ngành.

- Ghép hai ngành "Nông nghiệp và lâm nghiệp" và "Thủy sản" thành ngành "Nông nghiệp và Thủy sản".

- Ngành mới "Cấp thoát nước và quản lý chất thải" hợp nhất các hoạt động liên quan đến môi trường.

- Ngành mới "Thông tin và truyền thông" bao gồm các ngành trong phân loại SSIC 2000 là:

+ Xuất bản;

+ Viễn thông, phát thanh và truyền hình;

+ Dịch vụ công nghệ thông tin;

+ Các hoạt động chiếu phim, phát thanh và truyền hình;

+ Thư viện, các dịch vụ thông tấn và thông tin khác.

- Ngành "Bất động sản, các hoạt động kinh doanh và cho thuê" trong bảng phân ngành kinh tế năm 2000 được chia làm 3 phần trong Bảng phân ngành 2005 nhằm mục đích phản ánh tốt hơn sự thay đổi và sự không đồng nhất của các loại dịch vụ, theo các ngành có tên dưới đây:

+ Hoạt động thuê và cho thuê bất động sản

+ Các hoạt động chuyên ngành, khoa học và kỹ thuật

+ Các hoạt động quản lý và dịch vụ trợ giúp.

- Ngành "Các dịch vụ cộng đồng, cá nhân và xã hội" được chia làm 2 phần:

+ Nghệ thuật, giải trí;

+ Các hoạt động dịch vụ khác (xem bảng 1).

Số ngành cấp hai trong Bảng phân ngành kinh tế của Singapore 2005 tăng là do sự tăng lên của số ngành cấp một và được thể hiện ở bảng 2:

BẢNG 1: CÁC NGÀNH KINH TẾ TRONG SSIC 2005 VÀ SSIC 2000

SSIC 2005		SSIC 2000	
A	Nông nghiệp và thủy sản	A	Nông nghiệp và lâm nghiệp
		B	Thủy sản
B	Khai mỏ và Khai khoáng	C	Khai mỏ và khai khoáng
C	Công nghiệp chế biến	D	Công nghiệp chế biến
D	Cung cấp điện và ga	E	Cung cấp điện, ga và nước
E	Cấp, thoát nước và quản lý chất thải		
F	Xây dựng	F	Xây dựng
G	Bán buôn và bán lẻ	G	Bán buôn và bán lẻ
H	Vận tải và kho bãi	I	Vận tải, kho bãi và truyền thông
J	Khách sạn và nhà hàng	H	Khách sạn và nhà hàng
K	Thông tin và truyền thông		Phần của ngành I (viễn thông, phát thanh và truyền hình), K (các dịch vụ thông tin, xuất bản, thông tấn) và O (các hoạt động chiếu phim, phát thanh, truyền hình, thư viện)
L	Tài chính và các hoạt động bảo hiểm	J	Trung gian tài chính
M	Bất động sản, các hoạt động thuê và cho thuê	K	Bất động sản, các hoạt động kinh doanh và cho thuê
N	Các hoạt động chuyên ngành, khoa học và kỹ thuật		
O	Các hoạt động quản lý và trợ giúp		
P	Giáo dục	M	Giáo dục
Q	Y tế và hoạt động xã hội	N	Y tế và hoạt động xã hội
R	Nghệ thuật, giải trí	O	Các hoạt động dịch vụ cộng đồng xã hội và cá nhân (trong đó có sửa chữa ô tô và xe máy)
S	Các hoạt động dịch vụ khác		
T	Quản lý công và bảo vệ	L	Quản lý công và bảo vệ
U	Các hoạt động đối ngoại	P	Các hoạt động đối ngoại
V	Các tổ chức và đơn vị ngoài lãnh thổ	Q	Các tổ chức và đơn vị có đặc quyền ngoại giao
W	Các hoạt động khác chưa được phân loại vào đâu	R	Các hoạt động khác chưa được phân loại vào đâu

BẢNG 2: CÁC NGÀNH MỚI TRONG SSIC 2005

Ký hiệu	Tên ngành cấp I	Ngành cấp II
Ngành C	Công nghiệp chế biến	15. Lương thực, thực phẩm 16. Đồ uống 26. Dược phẩm và các sản phẩm sinh học
Ngành H	Vận tải và kho bãi	56. Các hoạt động bưu điện và chuyển phát
Ngành K	Thông tin và truyền thông	60. Các hoạt động xuất bản 61. Các hoạt động chiếu phim, phát thanh, truyền hình, ghi âm 62. Viễn thông
Ngành N	Các hoạt động chuyên ngành, khoa học và kỹ thuật	73. Các hoạt động luật pháp, kiểm toán, quản lý và các hoạt động tư vấn quản lý 74. Các hoạt động kiến trúc và kỹ thuật; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật 76. Các hoạt động chuyên ngành, khoa học và kỹ thuật khác
Ngành O	Các dịch vụ Quản lý và hoạt động trợ giúp	78. Các dịch vụ Quản lý và hoạt động trợ giúp
Ngành Q	Y tế và hoạt động xã hội	85. Các hoạt động y tế 86. Các hoạt động xã hội và cộng đồng
Ngành S	Các hoạt động dịch vụ khác	92. Sửa chữa, bảo hành các loại ô tô và xe máy, thiết bị văn phòng, vật dụng cá nhân và gia đình

Ở mức chi tiết hơn, mã ngành 5 chữ số được quy định cụ thể cho các ngành kinh tế mới cũng như các ngành đã có và một số trường hợp được ghép với mã các ngành khác đã có trước đây. Dưới đây là một số ví dụ:

- Sản xuất phim, giấy ảnh, đĩa và hoá chất; Dầu bôi trơn, hoá chất, các chất hoá học đặc biệt nguyên chất, các dịch vụ tách màu và lọc dầu thuộc ngành C - Công nghiệp chế biến.

- Sản xuất, chuyển tải, phân phối và bán điện thuộc ngành D - Cung cấp điện và ga.

- Bán buôn và bán lẻ máy tính, trò chơi điện tử, nhạc cụ và soạn nhạc thuộc ngành G - Bán buôn và bán lẻ.

- Cổng tìm kiếm thông tin Web, phát triển và xuất bản trò chơi máy tính, sản xuất và phân phối băng ghi âm thuộc ngành K- Thông tin và viễn thông.

- Cho thuê tài sản phi tài chính (ví dụ bằng sáng chế, nhãn mác), dịch vụ trọng tài, thiết kế cảnh quan và kiến trúc, và thiết kế vật dụng thuộc ngành N - Các hoạt động chuyên ngành, khoa học và kỹ thuật.

- Tổ chức giữ trẻ, dịch vụ nghiên cứu quản lý, quản lý chức năng nguồn con người và các dịch vụ quản lý công sở trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng thuộc Ngành O - Các dịch vụ trợ giúp và quản lý.

Một số ngành như trồng thuốc lá, cao su và dứa; bán lẻ than củi, xử lý năng lượng

hạt nhân... có thể được phân loại kết hợp hoặc xoá bỏ.

Nguyễn Thái Hà (giới thiệu)

Nguồn: Statistic Singapore Newsletter
_March 2005 (<http://www.singstat.gov.sg>)